

## Answer Key - PH: Physics

Q.No.	Session	Que.Type	Sec. Name	Key	Marks
1	1	MCQ	GA	C	1
2	1	MCQ	GA	A	1
3	1	MCQ	GA	C	1
4	1	MCQ	GA	B	1
5	1	MCQ	GA	D	1
6	1	MCQ	GA	D	2
7	1	MCQ	GA	D	2
8	1	MCQ	GA	D	2
9	1	MCQ	GA	A	2
10	1	MCQ	GA	C	2
1	1	MCQ	PH	A	1
2	1	MCQ	PH	B	1
3	1	MCQ	PH	D	1
4	1	MCQ	PH	A	1
5	1	MCQ	PH	D	1
6	1	MCQ	PH	B	1
7	1	MCQ	PH	D	1
8	1	MCQ	PH	C	1
9	1	MCQ	PH	B	1
10	1	MCQ	PH	D	1
11	1	MCQ	PH	A	1
12	1	MCQ	PH	A	1
13	1	MCQ	PH	D	1
14	1	MCQ	PH	C	1
15	1	MCQ	PH	B	1
16	1	MCQ	PH	A	1
17	1	NAT	PH	1 to 1	1
18	1	NAT	PH	7 to 7	1
19	1	NAT	PH	5 to 5	1
20	1	NAT	PH	3 to 3	1
21	1	NAT	PH	2 to 2	1
22	1	NAT	PH	-2 to -2	1
23	1	NAT	PH	0.5 to 0.5	1
24	1	NAT	PH	14 to 15	1
25	1	NAT	PH	1 to 1	1
26	1	MCQ	PH	A	2
27	1	MCQ	PH	C	2
28	1	MCQ	PH	D	2

29	1	MCQ	PH	C	2
30	1	MCQ	PH	B	2
31	1	MCQ	PH	A	2
32	1	MCQ	PH	D	2
33	1	MCQ	PH	A	2
34	1	MCQ	PH	D	2
35	1	MCQ	PH	D	2
36	1	MCQ	PH	C	2
37	1	MCQ	PH	C	2
38	1	MCQ	PH	A	2
39	1	MCQ	PH	B	2
40	1	NAT	PH	4 to 4	2
41	1	NAT	PH	6 to 6	2
42	1	NAT	PH	8 to 8	2
43	1	NAT	PH	0 to 0	2
44	1	NAT	PH	2 to 2	2
45	1	NAT	PH	-270 to -270 or -90 to -90 or 90 to 90 or 270 to 270	2
46	1	NAT	PH	1 to 1	2
47	1	NAT	PH	2 to 2	2
48	1	NAT	PH	-1 to -1	2
49	1	NAT	PH	0 to 0	2
50	1	NAT	PH	0.706 to 0.708	2
51	1	NAT	PH	3 to 3	2
52	1	NAT	PH	6999 to 6999	2
53	1	NAT	PH	14 to 15	2
54	1	NAT	PH	0.5 to 0.5	2
55	1	NAT	PH	1 to 1	2